

Bản án số: 89/2023/DS-ST
Ngày 20-12-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bảo Quốc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trà M Châu

Ông Nguyễn Thanh Rực

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Thu Trân-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Dương Hồng Thủy-Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 89/2023/TLST-DS ngày 06-10-2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 166/2023/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Văn M, sinh năm 1973; Địa chỉ: Số 156 ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- Bị đơn: Ông Võ Văn L, sinh năm 1967; Địa chỉ: Số 281 ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn ông Võ Minh L: Ông Võ Phước V-Con ruột ông L; Địa chỉ: Số 281 ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Lê Văn M trình bày:

Vào ngày 24-4-2020 (âm lịch), ông M có cho ông L vay số tiền là 50.000.000 đồng với lãi suất 4%/tháng, ông L cam kết đến hết tháng 12-2020 (âm lịch) sẽ thanh toán số tiền đã vay. Tuy nhiên, đến hết năm 2020, ông L chỉ

trả lãi cho ông M được 08 tháng, với tổng số tiền là 16.000.000 đồng, mỗi tháng là 2.000.000 đồng, nhưng cho đến nay ông L không thanh toán tiền nợ gốc và lãi cho ông M.

Do hoàn cảnh ông L khó khăn, nay ông M yêu cầu ông L thanh toán số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng, còn tiền lãi ông M tự nguyện chỉ yêu cầu tính lãi từ ngày 01/01/2022 âm lịch (ngày 01/02/2022 dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm tại Tòa án với mức lãi suất là 10%/năm. Ngoài ra, đối với số tiền lãi mà ông L đã thanh toán là 16.000.000 đồng do ông M đã tiêu xài hết nên không đồng ý trừ vào số tiền nợ gốc, còn việc ông L cho rằng đã thanh toán lãi được 36.000.000 đồng là hoàn toàn không chính xác.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Võ Văn L cùng người đại diện theo ủy quyền cho ông Võ Minh L là ông Võ Phước V đều trình bày:

Ông Võ Văn L thống nhất và thừa nhận có vay của ông Lê Văn M số tiền là 50.000.000 đồng, chữ ký trong biên nhận ngày 24/4/2020 âm lịch là của ông L, theo tờ hợp đồng mượn tiền thì lãi suất là 4%/tháng, thời hạn thanh toán nợ gốc là đến hết năm 2020 âm lịch (30/12/2020 âm lịch), hàng tháng ông L có kêu vợ đóng lãi cho ông M là 2.000.000 đồng/tháng và đã đóng lãi cho ông M được số tiền là 36.000.000 đồng nhưng do quên biết nên khi đóng lãi thì ông L không có làm giấy tờ hay biên nhận gì. Nay do hoàn cảnh gia đình tôi khó khăn nên ông L xin không tính tiền lãi, còn tiền nợ gốc thì ông L xin trả hàng tháng. Ngoài ra, đối với số tiền lãi mà ông L đã thanh toán cho ông M là 16.000.000 đồng/08 tháng do vượt mức lãi suất quy định nên đề nghị khấu trừ vào tiền nợ gốc.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án thì Thẩm phán xác định về thẩm quyền, quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định của pháp luật và thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát cũng đảm bảo. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Lê Văn M yêu cầu ông Võ Văn L có nơi cư trú tại xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng thanh toán tiền nợ vay nên quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và Tòa án nhân dân huyện Long Phú đã thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2]. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, các đương sự thống nhất thừa nhận vào ngày 24-4-2020 (âm lịch), ông M có cho ông L vay số tiền là 50.000.000 đồng với lãi suất 4%/tháng, mỗi tháng là 2.000.000 đồng, ông L cam kết đến hết tháng 12-2020 âm lịch là ngày 30/12/2020 sẽ thanh toán đủ số tiền nợ gốc đã vay cho ông M và ông L đã đóng được 08 tháng tiền lãi cho ông M với số tiền là 16.000.000 đồng, mỗi tháng là 2.000.000 đồng.

Đây là những tình tiết sự kiện không phải chứng M theo quy định tại Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng M”*.

Do đó, có đủ cơ sở khẳng định ông L có vay của ông M số tiền 50.000.000 đồng và đóng tiền lãi được 08 tháng với số tiền là 16.000.000 đồng.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến trình bày của bị đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng,

Như nhận định tại mục [2]. do ông L đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay tài sản theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015 về hợp đồng vay tài sản: *“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng...”* và Khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 về nghĩa vụ trả nợ của bên vay: *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...”*. Nên việc ông M yêu cầu ông L thanh toán tiền nợ gốc đã vay là hoàn toàn có căn cứ chấp nhận.

Tuy nhiên, do mức lãi suất mà ông L đã thỏa thuận với ông M hàng tháng là 4%/tháng (48%/năm) và ông L đã thanh toán cho ông M được 08 tháng với tổng số tiền là 16.000.000 đồng (mỗi tháng là 2.000.000 đồng) là vượt mức lãi suất quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015: *“Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay... Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực”*, mức lãi suất theo quy định là 20%/năm (tức 1,66%/tháng) nên phần lãi suất vượt mức nêu trên quy định sẽ không có hiệu lực. Mặt khác, ông L có yêu cầu đối với phần tiền lãi suất vượt mức quy định sẽ được trừ vào số tiền nợ gốc là hoàn toàn phù hợp với quy định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận và điều chỉnh lại lãi suất và khấu trừ tiền lãi vượt mức quy định vào tiền nợ gốc cụ thể như sau:

Tiền lãi theo quy định mỗi tháng ông L phải thanh toán cho ông M là $50.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/năm (1,66\%/tháng) = 830.000 \text{ đồng}$ nên tiền lãi 08 tháng ông L phải thanh toán cho ông M là $830.000 \text{ đồng/tháng} \times 8 \text{ tháng} = 6.640.000 \text{ đồng}$, nhưng do ông L đã đóng tiền lãi 08 tháng là 16.000.000 đồng nên phần tiền lãi vượt mức quy định không có hiệu lực là $16.000.000 \text{ đồng} - 6.640.000 \text{ đồng} = 9.360.000 \text{ đồng}$.

Do đó, đối với phần lãi suất không có hiệu lực sẽ được trừ vào tiền gốc nên ông L còn phải thanh toán cho ông M tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng – 9.360.000 đồng = 40.640.000 đồng.

[4]. Về lãi suất: Tại “Tờ hợp đồng mượn tiền ngày 24-4-2020 âm lịch” thể hiện ông M và ông L thỏa thuận đến hết tháng 12-2020 âm lịch là ngày 30/12/2020 âm lịch (ngày 12/02/2021 dương lịch) thì ông L sẽ thanh toán đủ số tiền nợ gốc cho ông M và trả lãi hàng tháng là 4%/tháng.

Do đó, đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi nhưng đến nay ông L vẫn không thanh toán đủ số tiền nợ gốc và nợ lãi nên ông M yêu cầu tính lãi trên số tiền nợ gốc còn phải thanh toán là hoàn toàn phù hợp với quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 5; điểm b, c Khoản 3 Điều 6 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, nên ông L phải chịu khoản tiền lãi đối với tiền nợ gốc quá hạn do chậm thanh toán cho ông M tính từ ngày tiếp theo của ngày đến hạn trả nợ gốc là ngày 01/01/2021 âm lịch (ngày 13/02/2023 dương lịch).

Tuy nhiên, do ông M tự nguyện chỉ yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 01/01/2022 âm lịch (ngày 01/02/2022 dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 08/11/2023 âm lịch (ngày 20/12/2023 dương lịch), với mức lãi suất là 10%/năm nên Hội đồng xét xử chấp nhận và tiền lãi nợ gốc quá hạn mà ông L còn phải thanh toán cho ông M là 40.640.000 đồng x 10%/năm (tức 0.83%/tháng) x 01 năm, 10 tháng, 19 ngày (tính từ ngày 01-02-2022 đến ngày 20-12-2023 dương lịch) = 7.634.495 đồng.

Riêng việc bị đơn cho rằng đã đóng tiền lãi cho nguyên đơn đến 36.000.000 đồng nhưng bị đơn chỉ trình bày mà không có tài liệu, chứng cứ chứng M, còn nguyên đơn chỉ thừa nhận đóng lãi được 16.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử không chấp nhận ý kiến này của bị đơn.

Từ những căn cứ và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần không được chấp nhận. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

[6]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên về tổ tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 2 Điều 92; Khoản 1 Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ vào Điều 463; Khoản 1, Khoản 5 Điều 466; Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Khoản 1, Khoản 4 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu khởi kiện của nguyên đơn là ông Lê Văn M về việc yêu cầu ông Võ Văn L thanh toán số tiền nợ vay tại Tờ hợp đồng mượn tiền ngày 24-4-2020 âm lịch.

Buộc ông Võ Văn L thanh toán cho ông Lê Văn M số tiền là 48.274.495 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 40.640.000 đồng và tiền lãi là 7.634.495 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông Lê Văn M có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong thì hàng tháng ông Võ Văn L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Không chấp yêu khởi kiện của nguyên đơn là ông Lê Văn M về việc yêu cầu ông Võ Văn L thanh toán số tiền nợ gốc là 9.360.000 đồng (là tiền lãi vượt mức lãi suất quy định được trừ vào tiền nợ gốc)

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Võ Văn L phải chịu án phí là 2.413.725 đồng.

Ông Lê Văn M phải chịu án phí là 468.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông Lê Văn M đã nộp là 1.250.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010185 ngày 27-9-2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng nên ông Lê Văn M được nhận lại số tiền tạm ứng còn thừa là 782.000 đồng.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (được sửa đổi bổ sung năm 2014), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (được sửa đổi bổ sung năm 2014); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo

quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (được sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Bảo Quốc

